

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-ST

Ngày 22-02-2024

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dư Văn Thanh

Ông Phạm Hữu Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Ngọc Hân – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thúy Trang** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 04/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Mai Xuân T, sinh năm: 1978 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số A đường B, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà Triệu Tuyết D, sinh năm: 1979 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số B đường P, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Chỗ ở hiện nay: Số A P, khóm C, phường B, thành phố S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 10 năm 2023, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Mai Xuân T trình bày:

Ông Mai Xuân T và bà Triệu Tuyết D tự nguyện kết hôn có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 29/6/2009. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng rất hòa thuận, hạnh phúc. Nhưng sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm trọng hôn nhân không hàn gắn được. Từ tháng 04/2023 đến nay ông T và bà D đã sống ly thân với nhau. Trong thời gian chung sống ông T và bà D có hai người con chung là cháu Mai Triệu Yến L (nữ, sinh ngày 13/4/2009) và cháu Mai Triệu Trí D1 (nam, sinh ngày

25/03/2014) hiện đang sống chung với bà D. Trong thời kỳ hôn nhân ông T và bà D có tạo lập được tài sản chung nhưng tự thỏa thuận và không có nợ chung.

Nay ông Mai Xuân T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Triệu Tuyết D.

Về con chung: Ông T đồng ý giao hai con chung là cháu Mai Triệu Yến L (nữ, sinh ngày 13/4/2009) và cháu Mai Triệu Trí D1 (nam, sinh ngày 25/03/2014) cho bà Triệu Tuyết D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu L và cháu D1 đủ 18 tuổi. Ông T đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng/02 cháu cho đến khi các cháu L và cháu D1 đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- *Tại văn bản ghi ý kiến về thông báo thụ lý, bị đơn bà Triệu Tuyết D trình bày:*

Về hôn nhân: Bà đồng ý ly hôn với ông T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống bà và ông T có hai người con chung tên cháu Mai Triệu Yến L (nữ, sinh ngày 13/4/2009) và cháu Mai Triệu Trí D1 (nam, sinh ngày 25/03/2014) hai con đang sống chung với bà Triệu Tuyết D. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung đến khi các con đủ 18 tuổi. Đồng ý với mức cấp dưỡng mà ông T đưa ra 4.000.000 đồng/2 cháu/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- *Ý kiến của kiểm sát viên viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tại phiên tòa:*

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có đơn xin vắng mặt. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng vắng mặt và có đơn xin vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Mai Xuân T, về quan hệ hôn nhân của ông Mai Xuân T và bà Triệu Tuyết D không vi phạm các điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu ông T, bà D chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh

mâu thuẫn trầm trọng hôn nhân không hàn gắn được. Bà D cũng đồng ý ly hôn với ông T. Đồng thời, tháng 04 năm 2023 đến nay ông T và bà D đã sống ly thân không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nhận thấy, tình trạng hôn nhân giữa các bên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông T được ly hôn với bà D.

[3] Về con chung: Ông T đồng ý giao hai con chung là cháu Mai Triệu Yến L (nữ, sinh ngày 13/4/2009) và cháu Mai Triệu Trí D1 (nam, sinh ngày 25/03/2014) cho bà Triệu Tuyết D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu L và cháu D1 đủ 18 tuổi. Ông T đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng/02 cháu cho đến khi các cháu L và cháu D1 đủ 18 tuổi. Bà D đồng ý với yêu cầu của ông T. Xét thấy từ khi ông T và bà D không còn chung sống với nhau, các con chung do bà D nuôi dưỡng, được học hành đầy đủ, tâm sinh lý phát triển bình thường. Đồng thời, các cháu L và cháu D1 cũng có nguyện vọng được sống chung với bà D. Xuất phát từ mọi lợi ích của cháu L và cháu D1, tránh xáo trộn môi trường sống ảnh hưởng đến tâm lý của cháu L và cháu D1. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T, giao cháu L và cháu D1 cho bà D được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu L và cháu D1 đủ 18 tuổi.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng/02 cháu cho đến khi các cháu L và cháu D1 đủ 18 tuổi. Bà D cũng đồng ý. Nên Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 4.000.000 đồng/tháng/02 cháu cho đến khi các cháu L và cháu D1 đủ 18 tuổi. Thời gian bắt đầu cấp dưỡng nuôi con là ngày xét xử sơ thẩm.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Ông Mai Xuân T, bà Triệu Tuyết D tự khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Như đã phân tích nêu trên, lời đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[8] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Mai Xuân T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, theo quy định tại Điểm a, Khoản 5, điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 5; Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228; Điều 273; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; D a Khoản 5, điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Mai Xuân T và bà Triệu Tuyết D.

2. Về con chung và cấp dưỡng:

2.1. Giao con chung tên cháu Mai Triệu Yến L (nữ, sinh ngày 13/4/2009) và cháu Mai Triệu Trí D1 (nam, sinh ngày 25/03/2014) cho bà Triệu Tuyết D được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu L và cháu D1 đủ 18 tuổi

2.2. Buộc ông Mai Xuân T có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho bà Triệu Tuyết D mỗi cháu 2.000.000đồng/tháng cho đến khi cháu L và cháu D1 đủ 18 tuổi. Thời gian bắt đầu cấp dưỡng nuôi con là ngày xét xử sơ thẩm.

Ông Mai Xuân T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Ông Mai Xuân T, bà Triệu Tuyết D không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Ông Mai Xuân T, bà Triệu Tuyết D tự khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Mai Xuân T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001379 ngày 22/12/2023 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng; ông Mai Xuân T có trách nhiệm nộp thêm 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Bà Triệu Tuyết D không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSNDTPST;
- Chi cục THADSTPST;
- Ủy ban nhân dân xã Tuân Tức, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Huỳnh Thị Bích Tuyền